

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Số: 3213 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày 18 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính tiền
bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện
Dự án Nhà máy điện gió số 18**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng,
điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa
bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng
(Tờ trình số 2638/STNMT-CCQLĐĐ ngày 16/11/2020).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính tiền bồi
thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Nhà máy điện gió số 18, tại
thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; cụ thể như sau:

1. Diện tích, vị trí đất thu hồi: Khoảng 1,18 ha đất (trong đó, khoảng 0,99 ha
đất thuộc Phường 2 và 0,19 ha đất thuộc phường Khánh Hòa), tại khóm Giồng Me,
Phường 2 và khóm Lãm Thiết, khóm Trà Niên, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh
Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Loại đất, hệ số và giá đất cụ thể:

a) Đất ở tại đô thị

STT	Tên đường, loại đất	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến		
I	Phường Khánh Hòa				
1	Tỉnh lộ 935	Đoạn từ lộ đal Sóc Ngang đến hết đất nhà ông Nham Hùng		1.607.000	1,339
		Đoạn còn lại trong phạm vi dự án		1.380.000	1,38
2	Đường đal	Các tuyến lộ đal thuộc phường Khánh Hòa (trong phạm vi thu hồi đất)		296.000	1,184
3	Vị trí đất ở còn lại	Trong phạm vi thu hồi đất dự án		240.000	1,2
II	Phường 2				
1	Đường đal	Các tuyến lộ đal thuộc Phường 2 (trong phạm vi thu hồi đất)		300.000	1,2
2	Vị trí đất ở còn lại	Trong phạm vi thu hồi đất		241.000	1,205
<p>* Giá đất ở tại Mục I và Mục II (trừ vị trí đất ở còn lại) áp dụng đối với các thửa đất có vị trí tiếp giáp các tuyến lộ giao thông trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới; đối với các vị trí thâm hậu trên 30 mét, giá đất ở được tính như sau:</p> <p>- Giá đất tại vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới được tính bằng 50% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 240.000 đồng/m² đối với đất ở tại Phường Khánh Hòa và không thấp hơn 241.000 đồng/m² đối với đất ở tại Phường 2.</p> <p>- Giá đất thâm hậu từ mét thứ trên 70 trở lên tính từ mép lộ giới được tính bằng 25% giá đất mặt tiền, nhưng không thấp hơn 240.000 đồng/m² đối với đất ở tại Phường Khánh Hòa và không thấp hơn 241.000 đồng/m² đối với đất ở tại Phường 2.</p> <p>* Giá đất ở đối với các thửa đất có 02 cạnh tiếp giáp 02 tuyến đường giao thông giao nhau tại ngã ba hoặc ngã tư thì giá đất ở được xác định là giá đất ở (giá đất cụ thể) tính theo tuyến đường có mức giá cao hơn và nhân với hệ số 1,2 (trừ trường hợp thửa đất giáp hẻm).</p>					

b) Đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở)

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được xác định trên cơ sở giá đất ở (giá đất cụ thể) cùng khu vực, tuyến đường, vị trí nhân với tỷ lệ phần trăm (%) được quy định theo từng loại đất tại Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024.

c) Đất nông nghiệp

STT	Tên đường, loại đất	Đoạn đường		Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến		
I	Phường Khánh Hòa				
1	Tỉnh lộ 935 (áp dụng trong phạm vi lộ giới và trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới) (vị trí 1)	Đoạn từ lộ đal Sóc Ngang đến hết đất nhà ông Nham Hùng		473.000	2,628
	Tỉnh lộ 935 (áp dụng trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới, tiếp giáp vị trí 1)			236.500	2,628
2	Tỉnh lộ 935 (áp dụng trong phạm vi lộ giới và trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới) (vị trí 1)	Đoạn còn lại trong phạm vi dự án		425.000	2,833
	Tỉnh lộ 935 (áp dụng trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới, tiếp giáp vị trí 1)			212.500	2,833
3	Các tuyến đường đal (áp dụng trong phạm vi thâm hậu 70 mét tính từ mép đường) và các vị trí đất nông nghiệp đã được quy hoạch đất phi nông nghiệp	Trong phạm vi thu hồi đất thuộc phường Khánh Hòa		80.000	1,333
4	Đất trồng cây lâu năm (các vị trí còn lại)	Trong phạm vi thu hồi đất dự án		61.000	1,356
5	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối (các vị trí còn lại)	Trong phạm vi thu hồi đất dự án		54.000	1,350
II	Phường 2				
1	Các tuyến đường đal (áp dụng trong phạm vi thâm hậu 70 mét tính từ mép đường) và các vị trí đất nông nghiệp đã được quy hoạch đất phi nông nghiệp	Trong phạm vi thu hồi đất thuộc Phường 2		80.000	1,333
2	Đất trồng cây lâu năm (các vị trí còn lại)	Trong phạm vi thu hồi đất dự án		61.000	1,356
3	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối (các vị trí còn lại)	Trong phạm vi thu hồi đất dự án		54.000	1,350

Điều 2. Căn cứ hệ số và giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Nhà máy điện gió số 18 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT TXVC;
- Công TTĐT tỉnh; *[Signature]*
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Văn Hiếu